

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN
Số 03 Nguyễn Dữ, P. Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 0256.3893888 Fax: 0256.3893888
Website: www.quynhonnewport.vn

TÀI LIỆU

**TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**
(Cập nhật, thay thế Tờ trình số 20/TTr-BKS ngày 31/3/2022)



Bình Định, tháng 4/2022

MỤC TÀI LIỆU

| TT | Nội dung | Trang |
|-----------|---|--------------|
| 1 | Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông | 1 |
| 2 | Dự thảo Quy chế làm việc tại cuộc họp | 2 |
| 3 | Tờ trình về việc thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp | 5 |
| 4 | Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 | 6 |
| 5 | Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 | 9 |
| 6 | Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 | 12 |
| 7 | Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán | 13 |
| 8 | Tờ trình về việc phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 và thù lao HĐQT, BKS năm 2022 | 45 |
| 9 | Phiếu biểu quyết tại cuộc họp | 46 |
| 10 | Quy chế bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2022-2027 | 47 |
| 11 | Dự thảo Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 | 50 |
| 12 | Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 | 54 |

CHƯƠNG TRÌNH
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Thời gian họp: Từ 07h15 đến 10h50 ngày 28 tháng 4 năm 2022
Địa điểm: Tầng 8, Khách sạn Sài Gòn Quy Nhơn

| Thời gian | Nội dung | Thực hiện |
|------------------|--|---|
| 07h15-07h45 | - Đón tiếp đại biểu, cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông, phát tài liệu, lập danh sách các cổ đông đăng ký tham dự họp | Ban tổ chức |
| 07h45-08h00 | - Ôn định tổ chức - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp - Chào cờ, tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự - Phát biểu khai mạc cuộc họp | Ban tổ chức Ban kiểm tra tư cách cổ đông Ban tổ chức Chủ tịch HĐQT |
| 08h00-08h10 | - Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc, danh sách Đoàn Chủ tịch, Tổ Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp - Đại hội cho ý kiến biểu quyết thông qua | Giám đốc |
| 08h10-08h15 | - Báo cáo về các hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty | HĐQT |
| 08h15-08h30 | - Báo cáo về các hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty; - Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 | BKS |
| 08h30-08h40 | - Báo cáo tài chính năm 2021 | Giám đốc |
| 08h40-08h45 | - Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; thù lao HĐQT và BKS năm 2022; | HĐQT |
| 08h45-09h10 | - Đại hội thảo luận | Đoàn chủ tịch |
| 09h10-09h15 | - Biểu quyết thông qua từng vấn đề bằng Phiếu biểu quyết | Đại hội |
| 09h15-09h25 | - Thông qua Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 | Ban kiểm phiếu |
| 09h25-09h40 | - Bầu thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 | Đại hội |
| 09h40-10h10 | - Đại hội nghỉ giải lao | Ban tổ chức |
| 10h10-10h20 | - Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông - Công bố kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 | Ban kiểm phiếu |
| 10h20-10h35 | - Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát họp, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và ra mắt Đại hội | HĐQT/BKS |
| 10h35-10h50 | - Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông - Bế mạc cuộc họp. | Thư ký cuộc họp Chủ tịch HĐQT |

BAN TỔ CHỨC

Bình Định, ngày 28 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

QUY CHẾ LÀM VIỆC

**TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Ban Tổ chức cuộc họp kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức và điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 (gọi tắt là Đại hội) của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự cuộc họp, điều kiện, thể thức tiến hành cuộc họp và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham gia cuộc họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Điều kiện tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các Cổ đông Công ty có tên trong danh sách chốt ngày 28/3/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 - Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Mỗi Cổ đông hoặc Người đại diện theo ủy quyền khi tới tham dự cuộc họp nhận Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có Mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu có quyền biểu quyết.

Các Cổ đông đến dự họp muộn hơn thời gian quy định có quyền đăng ký tham dự họp và tham gia biểu quyết nhưng hiệu lực các kết quả biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng.

Trong thời gian diễn ra cuộc họp, các Cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tọa cuộc họp, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đoàn Chủ tịch Đại hội đồng cổ đông

Chủ trì và điều hành các hoạt động của cuộc họp theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trình Đại hội đồng cổ đông các Báo cáo và Tờ trình tại cuộc họp.

Hướng dẫn Đại hội đồng cổ đông thảo luận.

Trả lời những vấn đề do Đại hội đồng cổ đông yêu cầu.

Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông và Người đại diện theo ủy quyền tham dự.

Điều 5. Trách nhiệm của Tổ Thư ký

Tổ Thư ký ghi chép đầy đủ và trung thực các nội dung của cuộc họp.

Lập và thông qua Đại hội đồng cổ đông Biên bản cuộc họp.

Hỗ trợ Chủ tọa công bố các văn bản, kết luận hoặc gửi thông báo của Chủ tọa cuộc họp đến các Cổ đông khi được yêu cầu.

Điều 6. Trách nhiệm của Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông và Ban Kiểm phiếu

Ban Kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị quyết định thành lập. Ban Kiểm tra tư cách Cổ đông có nhiệm vụ kiểm tra tư cách Cổ đông tham dự họp và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra tư cách Cổ đông.

Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban Kiểm phiếu có các nhiệm vụ ghi nhận kết quả biểu quyết của Cổ đông đối với các vấn đề được lấy ý kiến thông qua tại cuộc họp, tổng hợp và báo cáo kết quả biểu quyết từng vấn đề để công bố cho Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Phát biểu ý kiến trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ Thẻ biểu quyết hoặc giơ tay. Để thuận tiện việc ghi vào biên bản, khi được mời phát biểu thì Cổ đông giới thiệu tên và mã số cổ đông. Nội dung ý kiến cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 8. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Nguyên tắc biểu quyết:

- Cổ đông biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết hoặc Thẻ biểu quyết tùy theo vấn đề được quy định tại Khoản 2 của Điều này.

- Cổ đông, Người đại diện theo ủy quyền tham dự cuộc họp đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu.

- Mỗi cổ đông được cấp 01 Thẻ Biểu quyết và 01 Phiếu biểu quyết trong đó ghi tên cổ đông, đại diện được ủy quyền, số cổ phần có quyền biểu quyết (tổng số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện sở hữu) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

2. Cách thức biểu quyết:

- **Biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết:** Đối với những vấn đề mang tính chất thủ tục như: Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc tại cuộc họp; Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu; Thông qua quy chế bầu cử; Thông qua Biên bản cuộc họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông tham dự họp biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết (khi được Chủ tọa hỏi ý kiến: Tán thành hay Không tán thành); những cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết được xem như không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

- **Biểu quyết bằng cách ghi Phiếu biểu quyết:** Phiếu biểu quyết được sử dụng khi các cổ đông biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình tại cuộc họp. Cổ đông thực hiện biểu quyết như sau:

+ Cổ đông hoặc Người đại diện được ủy quyền thực hiện việc biểu quyết để **Tán thành**, hoặc **Không tán thành**, hoặc **Không có ý kiến** một vấn đề bằng cách Cổ đông đánh dấu “X”

vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết theo trình tự: “Tán thành”, “Không tán thành” và “Không có ý kiến”. Sau khi biểu quyết hết các nội dung, Cổ đông biểu quyết ký tên vào Phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu, Ban Kiểm phiếu thu hồi Phiếu biểu quyết của Cổ đông để thống kê kết quả.

+ Trường hợp thay đổi ý kiến, cổ đông ký nháy bên cạnh ô lấy ý kiến lựa chọn cuối cùng để tránh giả mạo.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là các phiếu:

+ Phiếu biểu quyết không do Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn phát hành và không có dấu treo của Công ty;

+ Phiếu để trống mọi ô vuông lấy ý kiến hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến.

+ Phiếu sửa chữa, gạch xóa hoặc điền vào nhiều hơn một ô vuông lấy ý kiến mà không có chữ ký nháy của cổ đông bên cạnh ô vuông được đánh dấu.

+ Phiếu không có chữ ký của Cổ đông.

- Mỗi cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu ứng với một quyền biểu quyết.

3. Điều kiện thông qua Đại hội đồng cổ đông:

Các vấn đề tại cuộc họp lần này được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 thực hiện theo Quy chế bầu cử thông qua Đại hội.

Điều 9. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Tất cả nội dung tại cuộc họp phải được Thư ký ghi thành biên bản. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

BAN TỔ CHỨC CUỘC HỌP

Số: 17/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu
tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được tiến hành theo đúng quy định, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký và Ban Kiểm phiếu tại cuộc họp như sau:

1. Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|-----------------------|----------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Hữu Phúc | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| - Ông Nguyễn Tín Dân | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| - Ông Phạm Văn Thành | - Thành viên HĐQT/Giám đốc | - Thành viên |

2. Thư ký Đại hội:

- | | | |
|-----------------------|------------------|-------------------|
| - Ông Mai Quang Cường | - Kế toán trưởng | - Thư ký cuộc họp |
|-----------------------|------------------|-------------------|

3. Ban kiểm phiếu:

- | | | |
|------------------------|------------------|--------------|
| - Ông Võ Văn Nhanh | - P.TP KD & ĐĐKT | - Trưởng ban |
| - Ông Tống Khánh Trình | - Điều độ viên | - Thành viên |
| - Ông Trần Duy Thắng | - Điều độ viên | - Thành viên |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Phúc

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Kính thưa Quý vị Cổ đông!

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty, cụ thể như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Cơ cấu tổ chức

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn năm 2021 gồm các thành viên:

- | | | |
|------------------------|--------------|--------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Hữu Phúc | - Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 25/04/2019 |
| 2. Ông Nguyễn Tín Dân | - Thành viên | Bổ nhiệm ngày 21/04/2017 |
| 3. Ông Phạm Văn Thành | - Thành viên | Bổ nhiệm ngày 25/04/2019 |

2. Các quyết định/ngợi quyết trong năm 2021

- Quyết định về ngày chốt danh sách cổ đông, thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021;

- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt;

- Thông qua các nội dung báo cáo và các tờ trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Quyết định về ngày chốt danh sách cổ đông, tỷ lệ và thời gian chi trả cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

- Thống nhất việc thay đổi chủ thể thực hiện hợp đồng thuê bãi đối với phần bãi đang cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An thuê sang Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát;

- Thống nhất việc triển khai thực hiện công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

3. Thù lao

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nhận thù lao năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 110,4 triệu đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị: 4 triệu đồng/tháng

- Thành viên Hội đồng quản trị: 2,6 triệu đồng/người/tháng

4. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý khác

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị thực hiện chức năng giám sát bộ máy quản lý và điều hành Công ty một cách thường xuyên, liên tục, kết quả như sau:

- Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị công ty; tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, kịp thời và hiệu quả trong việc báo cáo, đề xuất các vấn đề về tổ chức thực hiện để Hội đồng quản trị xem xét quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

- Đối với các cán bộ quản lý khác đều thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công.

5. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022

- Định hướng chiến lược đầu tư và chỉ đạo xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty và lợi ích tốt nhất cho Cổ đông;

- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tốt công tác quản lý và điều hành các hoạt động của Công ty trên tinh thần Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; tăng cường công tác kiểm tra giám sát đối với Ban Điều hành, nhằm đảm bảo việc triển khai Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thực hiện kịp thời và có hiệu quả;

- Tổ chức họp định kỳ theo quy định tại Điều lệ Công ty, sẵn sàng tiếp thu những ý kiến đóng góp và tiếp nhận, xử lý kịp thời các kiến nghị, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2022, Công ty tiếp tục hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác hiệu quả phân hạ tầng cầu cảng hiện hữu và phân hạ tầng mở rộng mặt bằng cầu cảng đã đầu tư. Cùng với công tác khai thác hạ tầng cầu cảng, Công ty tiếp tục khai thác hơn 4ha bãi đã san lấp thông qua việc cho thuê chứa hàng dăm gỗ.

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022:

DVT: VN đồng

| TT | Chỉ tiêu | Thực hiện năm 2021 | Kế hoạch năm 2022 | Tỷ lệ |
|-----------|----------------------|---------------------------|--------------------------|--------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 41.500.700.356 | 42.449.000.000 | 102,3% |
| 2 | Tổng chi phí | 10.333.378.127 | 11.260.000.000 | 109,0% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 31.167.322.229 | 31.189.000.000 | 100,1% |
| 4 | Thuế TNDN | 1.801.636.281 | 1.740.000.000 | 96,6% |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | 29.365.685.948 | 29.449.000.000 | 100,3% |
| 6 | Cổ tức | Theo Nghị quyết ĐH ĐCĐ | 18% | |

2. Về công tác đầu tư xây dựng

- Công ty tiếp tục hoàn thiện các thủ tục có liên quan và đề nghị UBND tỉnh Bình Định xem xét chấp thuận để tiếp tục được triển khai thực hiện giai đoạn 2 của Dự án đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT. Sau khi được UBND tỉnh Bình Định chấp thuận, Công ty sẽ từng bước triển khai đầu tư các hạng mục còn lại của Dự án trên cơ sở đảm bảo lợi ích tốt nhất cho cổ đông.

- Triển khai thực hiện công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

Trên đây là báo cáo về các hoạt động của Hội đồng quản trị và Kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn. Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình trong công tác quản trị Công ty, nhằm hoàn thành tốt những mục tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc toàn thể quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature)

Nguyễn Hữu Phúc

Số: 19/BC-BKS

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2022

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông về các hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty, như sau:

I. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Cơ cấu nhân sự và hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên, cụ thể như sau:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> |
|---------------------|----------------|----------------------|
| Ông Nguyễn Kim Toàn | Trưởng ban | 21/4/2017 |
| Ông Trịnh Xuân Sơn | Thành viên | 21/4/2017 |
| Ông Trần Hữu Hiếu | Thành viên | 21/4/2017 |

Ban Kiểm soát đã thực hiện các chức năng và quyền hạn mình theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

2. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện nghiêm túc các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo và giám sát chặt chẽ Ban Điều hành trong việc điều hành mọi hoạt động của Công ty;

Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ, họp đột xuất hoặc lấy ý kiến các thành viên theo quy định để thông qua các nội dung kịp thời cho hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty; các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành đúng chức năng, quyền hạn, kịp thời, phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- Ban Điều hành:

Ban Kiểm soát đánh giá cao những cố gắng của Ban Điều hành trong việc tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư của Công ty.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, Ban Điều hành đã tổ chức mọi hoạt động của Công ty theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo hiệu quả nhất. Những vấn đề vượt thẩm quyền, Ban Điều hành đều báo cáo để Hội đồng quản trị quyết định và chỉ đạo kịp thời.

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và các cổ đông

Ban Kiểm soát ghi nhận sự phối hợp của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty, luôn nhận được đầy đủ thông tin về kế hoạch, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của công ty.

Ban Kiểm soát đã chủ động phối hợp hoạt động chặt chẽ và thường xuyên với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và đã được Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty và các chức danh quản lý khác trong Công ty; không nhận được bất kỳ đơn thư, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành Công ty.

4. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính Công ty

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2021 đã được tổ chức thực hiện theo kế hoạch đề ra cho năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp thường niên năm 2021.

Công tác kế toán của Công ty được thực hiện theo đúng chế độ kế toán hiện hành, các số liệu được ghi nhận đầy đủ, chính xác, trung thực và hợp lý; Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán theo quy định và không có ý kiến ngoại trừ.

Các chỉ tiêu cơ bản trên Báo cáo tài chính năm 2021, như sau:

DVT: Đồng

| TT | Khoản mục | Số cuối năm | Số đầu năm | Biến động |
|-----------|------------------------|--------------------|-------------------|------------------|
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 43.457.248.395 | 26.186.308.036 | +69,95% |
| 2 | Tài sản dài hạn | 142.049.630.237 | 149.052.410.233 | -4,70% |
| 3 | Nợ phải trả | 6.037.354.284 | 6.056.269.880 | -0,31% |
| 4 | Vốn chủ sở hữu | 179.469.524.348 | 169.182.448.389 | +6,08% |
| 5 | Tổng Tài sản/Nguồn vốn | 185.506.878.632 | 175.238.718.269 | 5,86% |

5. Thù lao Ban Kiểm soát năm 2021

Ban Kiểm soát đã nhận thù lao theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 là 34.800.000 đồng, cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát: 1,4 triệu đồng/tháng;
- Thành viên BKS: 0,75 triệu đồng/người/tháng.

6. Kết quả kinh doanh năm 2021

a. Kết quả sản xuất kinh doanh:

Trong năm, Công ty thực hiện cho thuê 4ha bãi đã san lấp và hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn trong việc khai thác hạ tầng cầu cảng đã đầu tư theo các hợp đồng đã ký kết.

| TT | Chỉ tiêu | Kế hoạch | Thực hiện | Tỷ lệ |
|----|----------------------|----------------|-----------------------|--------|
| 1 | Tổng doanh thu | 41.697.000.000 | 41.500.700.356 | 99,5% |
| 2 | Tổng chi phí | 12.169.000.000 | 10.333.378.127 | 84,9% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 29.528.000.000 | 31.167.322.229 | 105,6% |
| | Thuế TNDN | 1.495.000.000 | 1.801.636.281 | 121,4% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 28.033.000.000 | 29.365.685.948 | 104,8% |
| 5 | Cổ tức | ≥ 16% | Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ | |

b. Công tác đầu tư xây dựng:

Trong năm, Công ty thực hiện lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng công trình cầu cảng container 30.000DWT theo yêu cầu của UBND tỉnh. Trong quá trình thực hiện có phát sinh một số vướng mắc như: ý kiến của Sở NN&PTNT về chông lấn quy hoạch, chủ trương của UBND tỉnh về điểm tập kết vật chất thanh thải và sự thay đổi chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Hiện tại, Công ty đang cùng đơn vị tư vấn và các cơ quan chức năng phối hợp giải quyết.

Vào cuối năm 2021, Công ty triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư công trình Nạo vét duy tu khu nước trước bến.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

- Ban Kiểm soát sẽ thực hiện các chức năng và quyền hạn theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và các Quy chế của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong việc tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo quyền lợi tối ưu nhất cho cổ đông;

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Thẩm định Báo cáo tài chính và báo cáo tình hình kinh doanh năm 2022.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát Công ty về các hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty.

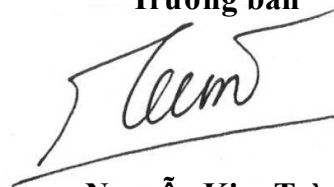
Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban



Nguyễn Kim Toàn

TỜ TRÌNH

V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022
(*thay thế Tờ trình 20/TTr-BKS ngày 31/3/2022*)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, như sau:

- Yêu cầu đối với Công ty kiểm toán độc lập: Phải thuộc danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố; Đáp ứng được yêu cầu của Công ty, thực hiện kiểm toán đúng thời hạn, uy tín và chất lượng.

- Dựa trên tiêu chuẩn về các cam kết, tính chuyên nghiệp, nguồn lực và chi phí, để phù hợp với tình hình kinh doanh và sự phát triển của Công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022.

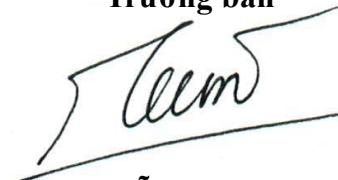
- Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2022 trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả hợp lý.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TC-HC.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Nguyễn Kim Toàn

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TÂN CẢNG QUY NHƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

MỤC LỤC

| | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|--------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC | 2 - 3 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 4 - 5 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 6 - 7 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 8 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 9 |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 10 - 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày miễn nhiệm</u> |
|--------------------------------------|----------------|----------------------|------------------------|
| <u>Hội đồng quản trị</u> | | | |
| Ông Nguyễn Hữu Phúc | Chủ tịch | 25/4/2019 | |
| Ông Nguyễn Tín Dân | Thành viên | 21/4/2017 | |
| Ông Phạm Văn Thành | Thành viên | 25/4/2019 | |
| <u>Ban kiểm soát</u> | | | |
| Ông Nguyễn Kim Toàn | Trưởng ban | 21/4/2017 | |
| Ông Trịnh Xuân Sơn | Thành viên | 21/4/2017 | |
| Ông Trần Hữu Hiếu | Thành viên | 21/4/2017 | |
| <u>Ban điều hành, quản lý</u> | | | |
| Ông Phạm Văn Thành | Giám đốc | 21/4/2017 | |
| Ông Mai Quang Cường | Kế toán trưởng | 21/4/2017 | |

ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là ông Phạm Văn Thành, chức danh Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Giám đốc



PHẠM VĂN THÀNH - Giám đốc

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 6 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B01-DN

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | | |
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 43.457.248.395 | 26.186.308.036 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 187.290.000 | 22.263.077.358 |
| 1. Tiền | 111 | | 187.290.000 | 63.077.358 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | 22.200.000.000 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 27.800.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2 | 27.800.000.000 | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 15.469.724.113 | 3.917.775.288 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 14.631.253.701 | 3.709.689.124 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 198.440.000 | 89.490.000 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5 | 640.030.412 | 118.596.164 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 234.282 | 5.455.390 |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.10 | 234.282 | 5.455.390 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 142.049.630.237 | 149.052.410.233 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 141.513.482.652 | 147.203.023.358 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.6 | 141.513.482.652 | 147.203.023.358 |
| Nguyên giá | 222 | | 187.584.997.864 | 187.584.997.864 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (46.071.515.212) | (40.381.974.506) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 366.999.210 | 300.423.755 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.7 | 366.999.210 | 300.423.755 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 169.148.375 | 1.548.963.120 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8 | 53.858.788 | 1.446.413.296 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.9 | 115.289.587 | 102.549.824 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 185.506.878.632 | 175.238.718.269 |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 6.037.354.284 | 6.056.269.880 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 5.737.354.284 | 5.756.269.880 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.10 | 41.691.513 | 752.412.613 |
| 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.11 | 1.718.376.175 | 1.191.618.359 |
| 3. Phải trả người lao động | 314 | | 167.171.016 | 183.037.687 |
| 4. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.12 | 2.450.991.727 | 2.441.391.727 |
| 5. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.13a | 19.604.986 | 15.183.116 |
| 6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.14 | 1.339.518.867 | 1.172.626.378 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Phải trả dài hạn khác | 337 | V.13b | 300.000.000 | 300.000.000 |
| D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 179.469.524.348 | 169.182.448.389 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 179.469.524.348 | 169.182.448.389 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | | 107.922.750.000 | 107.922.750.000 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | <i>411a</i> | | <i>107.922.750.000</i> | <i>107.922.750.000</i> |
| 2. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 42.181.088.400 | 34.158.124.713 |
| 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 29.365.685.948 | 27.101.573.676 |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i> | <i>421a</i> | | <i>-</i> | <i>-</i> |
| <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i> | <i>421b</i> | | <i>29.365.685.948</i> | <i>27.101.573.676</i> |
| 12. Nguồn vốn đầu tư XDCB | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 185.506.878.632 | 175.238.718.269 |

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MÁU B02-DN
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 40.443.686.065 | 40.376.872.035 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 40.443.686.065 | 40.376.872.035 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 7.444.685.632 | 10.083.800.871 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 32.999.000.433 | 30.293.071.164 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 1.057.014.291 | 859.162.970 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | | - | 201.474.389 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | - | 201.474.389 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.4 | 2.888.692.495 | 2.788.464.616 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 31.167.322.229 | 28.162.295.129 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | - | - |
| 12. Chi phí khác | 32 | | - | 77.186.331 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | VI.5 | - | (77.186.331) |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 31.167.322.229 | 28.085.108.798 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.6 | 1.814.376.044 | 1.086.084.946 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | V.9 | (12.739.763) | (102.549.824) |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 29.365.685.948 | 27.101.573.676 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.7a | 2.648 | 2.438 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.7b | 2.648 | 2.438 |

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021**MẪU B 03-DN**
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | |
|--|-------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 31.167.322.229 | 28.085.108.798 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | | 5.689.540.706 | 5.282.640.975 |
| - Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (1.057.014.291) | (781.976.639) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | - | 201.474.389 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 35.799.848.644 | 32.787.247.523 |
| - (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu | 09 | VII | (11.025.293.469) | 184.951.245 |
| - (Giảm) các khoản phải trả (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11 | VII | (688.521.053) | (14.244.606) |
| - Giảm/ (Tăng) chi phí trả trước | 12 | | 1.392.554.508 | 4.004.063.287 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | - | (201.474.389) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (1.316.084.946) | (1.357.312.021) |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (564.850.000) | (530.725.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 23.597.653.684 | 34.872.506.039 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (66.575.455) | (4.890.457.769) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (33.900.000.000) | (7.100.000.000) |
| 3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 6.100.000.000 | 19.400.000.000 |
| 4. Tiền thu lãi tiền gửi ngân hàng | 27 | VII | 535.580.043 | 837.765.848 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (27.330.995.412) | 8.247.308.079 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | - | (7.190.462.397) |
| 2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | VII | (18.342.445.630) | (17.338.280.891) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (18.342.445.630) | (24.528.743.288) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | (22.075.787.358) | 18.591.070.830 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 22.263.077.358 | 3.672.006.528 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | V.1 | 187.290.000 | 22.263.077.358 |



Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022

PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000182 ngày 28 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Cho đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi đến lần thứ ba số 4100694020 vào ngày 13 tháng 7 năm 2020.

Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 35121000161 ngày 26 tháng 10 năm 2009 về việc đầu tư dự án: Xây dựng công trình cầu cảng Container 30.000DWT - Cảng Quy Nhơn. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi đến lần thứ hai ngày 5 tháng 9 năm 2014 về việc điều chỉnh tiến độ dự án đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được phép đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 579/QĐ-SGDHN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với số lượng 10.792.275 cổ phiếu niêm yết tương ứng 107.922.750.000 VND. Ngày 23 tháng 9 năm 2016, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là QSP.

- **Vốn điều lệ** : 107.922.750.000 VND
Số cổ phiếu : 10.792.275 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/ cổ phiếu

Cơ cấu vốn điều lệ như sau:

| Stt | Tên cổ đông | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VND) | Tỷ lệ (%) |
|-----|-------------------------------|-------------------|--------------------------|----------------|
| 1 | Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | 1.800.000 | 18.000.000.000 | 16,68% |
| 2 | Cổ đông khác | 8.992.275 | 89.922.750.000 | 83,32% |
| | Cộng | 10.792.275 | 107.922.750.000 | 100,00% |

• Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại : (84 - 256) 3 893239
- Fax : (84 - 256) 3 893888
- Mã số thuế : 4 1 0 0 6 9 4 0 2 0

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Bốc xếp hàng hóa (chi tiết: kinh doanh bốc xếp);

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (chi tiết: mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng);

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (chi tiết: kinh doanh kho bãi);

Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương (chi tiết: kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (chi tiết: dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển);

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (chi tiết: dịch vụ lai dắt tàu biển).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

6. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 9 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là kỳ kế toán năm thứ 13 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng và phải thu khác.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán phải trả đồng thời.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm các khoản phải thu về tiền cho thuê kho bãi, cho thuê cầu cảng.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

| | <u>Số năm</u> |
|--------------------------|---------------|
| Nhà xưởng, vật kiến trúc | 6 - 40 |
| Máy móc thiết bị | 6 |

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng cơ bản các công trình chưa hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính.

Chi phí xây dựng cơ bản các công trình, tài sản bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới, hoặc cải tạo, nâng cấp, mở rộng liên quan đến các công trình, tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh của Công ty còn dở dang tại ngày Báo cáo tài chính.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Các chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính trong vòng 3 năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm cổ tức và lợi nhuận phải trả, các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ và các khoản phải trả khác.

11. **Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần**

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ.

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

12. **Doanh thu**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

14. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

16. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

17. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|--------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 230.863 | 2.576.053 |
| Tiền gửi ngân hàng | 187.059.137 | 60.501.305 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 22.200.000.000 |
| Cộng | 187.290.000 | 22.263.077.358 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Ngắn hạn | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |
| Cộng | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn với lãi suất 3,7%/năm đến 4,9%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-----------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn (*) | 13.658.879.300 | 2.731.775.860 |
| Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định | 610.416.972 | 610.043.346 |
| Công ty TNHH Hào Hưng Long An | 177.021 | 367.869.918 |
| Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát | 361.780.408 | |
| Cộng | 14.631.253.701 | 3.709.689.124 |

(*) Đây là công nợ với bên liên quan, xem Thuyết minh số VIII.2

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | | |
|---|--------------------|-------------------|
| Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Huy Hoàng | 44.490.000 | 44.490.000 |
| Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng Hải | 108.950.000 | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường miền Trung | 45.000.000 | 45.000.000 |
| Cộng | 198.440.000 | 89.490.000 |

5. Phải thu ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Dự thu lãi tiền gửi | 640.030.412 | - | 118.596.164 | - |
| Cộng | 640.030.412 | - | 118.596.164 | - |

6. Tài sản cố định hữu hình

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Cộng |
|-------------------|------------------------|------------------|-----------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 187.541.906.955 | 43.090.909 | 187.584.997.864 |
| Tăng trong năm | - | - | - |
| Giảm trong năm | - | - | - |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Khoản mục | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | Cộng |
|---|---------------------------|-------------------|------------------------|
| Số cuối năm | 187.541.906.955 | 43.090.909 | 187.584.997.864 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số đầu năm | 40.344.353.585 | 37.620.921 | 40.381.974.506 |
| Tăng trong năm | 5.684.070.718 | 5.469.988 | 5.689.540.706 |
| <i>Khấu hao trong kỳ</i> | <i>5.684.070.718</i> | <i>5.469.988</i> | <i>5.689.540.706</i> |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 46.028.424.303 | 43.090.909 | 46.071.515.212 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 147.197.553.370 | 5.469.988 | 147.203.023.358 |
| Số cuối năm | 141.513.482.652 | - | 141.513.482.652 |
| Nguyên giá của tài sản cố định hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: | | | |
| Số đầu năm | 45.564.909 | - | 45.564.909 |
| Số cuối năm | 45.564.909 | 43.090.909 | 88.655.818 |

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------|--------------------|
| Dự án đầu tư xây dựng cầu cảng container 30.000 DWT | 25.000.000 | - |
| Dự án Nạo vét duy tu khu nước | 41.575.455 | - |
| Hạng mục công trình san lấp tạo bãi đợt 2 | 300.423.755 | 300.423.755 |
| Cộng | 366.999.210 | 300.423.755 |

8. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------------|----------------------|
| Chi phí dụng cụ văn phòng | 53.858.788 | 88.435.556 |
| Chi phí nạo vét duy tu khu nước trước bến | - | 1.357.977.740 |
| Cộng | 53.858.788 | 1.446.413.296 |

9. Thuế thu nhập hoãn lại

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các chi phí phải trả trong năm và kỳ kế toán trước, chi tiết như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 102.549.824 | - |
| Chuyển sang lợi nhuận trong năm | 12.739.763 | 102.549.824 |
| Số cuối năm | 115.289.587 | 102.549.824 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|--|-------------------|-----------------------|--------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải | 33.046.613 | 33.046.613 | 33.046.613 | 33.046.613 |
| Công ty TNHH VTB Cứu Long Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường | - | - | 719.366.000 | 719.366.000 |
| | 8.644.900 | 8.644.900 | - | - |
| Cộng | 41.691.513 | 41.691.513 | 752.412.613 | 752.412.613 |

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu | Số đầu năm | Số phải nộp | Số đã nộp | Số cuối năm |
|--|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán / dịch vụ cung cấp trong nước | 997.176.860 | 3.997.437.806 | 3.972.319.651 | 1.022.295.015 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 186.084.946 | 1.874.376.044 | 1.316.084.946 | 744.376.044 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.901.163 | 793.840.206 | 785.270.535 | 11.470.834 |
| Thuế thu nhập các nhân phải nộp | 8.356.553 | 788.619.098 | 785.270.535 | 11.705.116 |
| Thuế thu nhập các nhân phải thu (*) | (5.455.390) | 5.221.108 | - | (234.282) |
| Tiền thuê đất | - | 437.967.785 | 437.967.785 | - |
| Các loại thuế khác | - | 12.955.781 | 12.955.781 | - |
| Thuế môn bài | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - |
| Thuế đất phi nông nghiệp | - | 9.955.781 | 9.955.781 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | 30.114.162 | 30.114.162 | - |
| Cộng | 1.186.162.969 | 7.146.691.784 | 6.554.712.860 | 1.778.141.893 |

Trình bày số dư trên Bảng cân đối kế toán:

| | | |
|---|----------------------|----------------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*) | 5.455.390 | 234.282 |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | <u>1.191.618.359</u> | <u>1.778.376.175</u> |

• **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 10%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**
Xem Thuyết minh số VI.6
- **Các loại thuế khác**
Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|----------------------|----------------------|
| Phải trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát | 145.200.000 | 135.600.000 |
| Chi phí công trình | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 |
| Cộng | 2.450.991.727 | 2.441.391.727 |

13. Phải trả khác

| | | |
|---------------------------------|--------------------|--------------------|
| a) Ngắn hạn | 19.604.986 | 15.183.116 |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông | 19.604.986 | 15.183.116 |
| b) Dài hạn | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Công ty Cổ phần TMDV Công Thành | 300.000.000 | 300.000.000 |
| Cộng | 319.604.986 | 315.183.116 |

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm | 1.172.626.378 | 972.214.113 |
| Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm | 731.742.489 | 731.137.265 |
| Chi các quỹ trong năm | (564.850.000) | (530.725.000) |
| Số cuối năm | 1.339.518.867 | 1.172.626.378 |

15. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|-------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Năm trước | | | | |
| Số đầu năm | 107.922.750.000 | 26.945.272.141 | 25.211.629.837 | 160.079.651.978 |
| Lãi trong năm | - | - | 27.101.573.676 | 27.101.573.676 |
| Trích lập các quỹ | - | 7.212.852.572 | (7.943.989.837) | (731.137.265) |
| Chia cổ tức | - | - | (17.267.640.000) | (17.267.640.000) |
| Số cuối năm | 107.922.750.000 | 34.158.124.713 | 27.101.573.676 | 169.182.448.389 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--------------------|---------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------------------------|
| Năm nay | | | | |
| Số đầu năm | 107.922.750.000 | 34.158.124.713 | 27.101.573.676 | 169.182.448.389 |
| Lãi trong năm | - | - | 29.365.685.948 | 29.365.685.948 |
| Trích lập các quỹ | - | 8.022.963.687 | (8.754.706.176) | (731.742.489) |
| Chia cổ tức | - | - | (18.346.867.500) | (18.346.867.500) |
| Số cuối năm | 107.922.750.000 | 42.181.088.400 | 29.365.685.948 | 179.469.524.348 |

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 107.922.750.000 VND đã được góp đủ đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| Cổ đông | Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp | | Vốn đã góp | |
|--------------------------------|---|----------------|------------------------|------------------------|
| | VND | % | Số cuối năm | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | 18.000.000.000 | 16,68% | 18.000.000.000 | 18.000.000.000 |
| Vốn góp của các đối tượng khác | 89.922.750.000 | 83,32% | 89.922.750.000 | 89.922.750.000 |
| Cộng | 107.922.750.000 | 100,00% | 107.922.750.000 | 107.922.750.000 |

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | - | - |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | - | - |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 10.792.275 | 10.792.275 |
| <i>Cổ phiếu ưu đãi</i> | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chia cổ tức cho các cổ đông | 18.346.867.500 | 17.267.640.000 |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 8.022.963.687 | 7.212.852.572 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 731.742.489 | 731.137.265 |
| Cộng | <u>27.101.573.676</u> | <u>25.211.629.837</u> |

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|------------------------------|------------------------------|
| a) Doanh thu | | |
| Doanh thu khai thác cầu cảng | 27.600.000.000 | 27.600.000.000 |
| Doanh thu cho thuê bãi | 12.843.686.065 | 12.776.872.035 |
| Cộng | <u>40.443.686.065</u> | <u>40.376.872.035</u> |
| b) Doanh thu đối với bên liên quan | | |
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | 29.801.191.200 | 29.801.191.200 |
| Cộng | <u>29.801.191.200</u> | <u>29.801.191.200</u> |

2. Giá vốn hàng bán

| | | |
|--|-----------------------------|------------------------------|
| Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê cầu cảng | 6.337.802.657 | 8.855.594.065 |
| Giá vốn hàng bán dịch vụ cho thuê kho bãi | 1.106.882.975 | 1.228.206.806 |
| Cộng | <u>7.444.685.632</u> | <u>10.083.800.871</u> |

3. Doanh thu hoạt động tài chính

| | | |
|---------------------------|-----------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 4.114.837 | 3.841.330 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 1.052.899.454 | 855.321.640 |
| Cộng | <u>1.057.014.291</u> | <u>859.162.970</u> |

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | | |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Chi phí nhân viên | 1.943.651.700 | 1.843.616.205 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 8.287.500 | 13.838.266 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 60.883.223 | 21.531.937 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 165.631.361 | 42.201.963 |
| Thuế, phí và lệ phí | 89.505.880 | 187.249.360 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 125.138.196 | 143.251.222 |
| Chi phí bằng tiền khác | 495.594.635 | 536.775.663 |
| Cộng | <u>2.888.692.495</u> | <u>2.788.464.616</u> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Lợi nhuận (lỗ) khác**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|---------|---------------------|
| Thu nhập khác | - | - |
| Thu nhập khác | - | - |
| Chi phí khác | - | 77.186.331 |
| Lỗ thanh lý tài sản cố định | - | 77.186.331 |
| Lợi nhuận (lỗ) khác thuần | - | (77.186.331) |

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | | |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận trước thuế | 31.167.322.229 | 28.085.108.798 |
| Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế | 580.354.250 | 1.116.898.989 |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | - |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 580.354.250 | 1.116.898.989 |
| Thu nhập chịu thuế | 31.747.676.479 | 29.202.007.787 |
| Trong đó: | | |
| Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính | 30.694.777.025 | 29.202.007.787 |
| Thu nhập từ hoạt động khác | 1.052.899.454 | - |
| Thuế suất áp dụng | | |
| Thuế suất áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính | 10% | 10% |
| Thuế suất áp dụng cho hoạt động đầu tư tài chính | 20% | 20% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | 3.280.057.593 | 2.920.200.779 |
| Trừ: Thuế được giảm do ưu đãi đầu tư | (1.534.738.851) | (1.460.100.390) |
| Trừ: Thuế được giảm 30% theo ND114/2020/NĐ-CP | - | (438.030.117) |
| Cộng: Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước | 69.057.302 | 64.014.674 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 1.814.376.044 | 1.086.084.946 |

Công ty được hưởng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% áp dụng trong thời gian là 15 năm cho thu nhập từ hoạt động chính (Điểm b, Khoản 1, Điều 15 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Công ty được miễn 4 năm thuế thu nhập doanh nghiệp kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo (Điểm a, Khoản 1, Điều 16 Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp).

Năm 2021 là năm thứ 12 doanh nghiệp được hưởng mức thuế suất là 10% và là năm thứ 7 được ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Công ty không được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP của Chính phủ do doanh thu năm 2021 của Công ty lớn hơn năm 2019.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Lãi trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản và lãi trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 29.365.685.948 | 27.101.573.676 |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (792.873.521) | (785.945.637) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 28.572.812.427 | 26.315.628.039 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 2.648 | 2.438 |

b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 28.572.812.427 | 26.315.628.039 |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | - | - |
| Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 28.572.812.427 | 26.315.628.039 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm | - | - |
| <i>Cộng: Số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu có thể được chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi</i> | - | - |
| Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng | 10.792.275 | 10.792.275 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 2.648 | 2.438 |

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

| | | |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 69.170.723 | 35.370.203 |
| Chi phí nhân công | 1.943.651.700 | 1.843.616.205 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 5.689.540.706 | 5.282.640.975 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 2.135.420.363 | 5.173.862.441 |
| Chi phí khác bằng tiền | 495.594.635 | 536.775.663 |
| Cộng | 10.333.378.127 | 12.872.265.487 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền không ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên không được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------------|----------------|------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu | 640.030.412 | 118.596.164 |
| Phải trả cổ tức | 19.604.986 | 15.183.116 |

2. Các khoản giao dịch bằng tiền có ảnh hưởng đến sự lưu chuyển tiền tệ trong năm nên được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| | | |
|--|-------------|------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng phải thu năm trước đã thu trong năm | 118.596.164 | 97.199.042 |
| Phải trả cổ tức năm trước đã trả trong năm | 15.183.116 | 85.824.007 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Trong vòng 1 năm | 625.668.264 | 606.850.644 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 2.502.673.056 | 2.427.402.576 |
| Sau 5 năm | 20.571.638.646 | 20.538.690.210 |
| Cộng | 23.699.979.966 | 23.572.943.430 |

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền thuê 121.560 m² đất bao gồm 12.761,5 m² đất chuyên dùng và 108.798,5 m² đất mặt nước thuộc phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng cảng container 30.000 DWT theo Hợp đồng thuê đất số 112/HĐ-TĐ ngày 5 tháng 11 năm 2009 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 14 tháng 10 năm 2009 đến ngày 14 tháng 10 năm 2059.
- Tiền thuê 1.038,5 m² đất tại phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn để xây dựng văn phòng theo Hợp đồng thuê đất số 19/HĐ-TĐ ngày 19 tháng 02 năm 2011 được ký kết với UBND tỉnh Bình Định. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 01 năm 2011 đến ngày 10 tháng 01 năm 2061.

Các đơn giá đất ổn định trong 5 năm đầu và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo quy định của Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2006.

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thu tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Trong vòng 1 năm | 40.298.295.720 | 40.298.295.720 |
| Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5 | 127.438.306.880 | 140.136.602.600 |
| Sau 5 năm | - | 27.600.000.000 |
| Cộng | 167.736.602.600 | 208.034.898.320 |

Các khoản cho thuê hoạt động thể hiện:

- Tiền cho Công ty TNHH Hào Hưng Long An (nay là Chi nhánh Công ty TNHH Hào Hưng Phát) thuê 22.366 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng (trước ngày 10 tháng 8 năm 2019) và 14.527 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng (từ ngày 10 tháng 8 năm 2019) theo Hợp đồng kinh tế số 2503/2013/HĐKT ngày 25 tháng 3 năm 2013 kèm theo Hợp đồng điều chỉnh, bổ sung số 0208/2019/ĐCBS-HĐKT ngày 02 tháng 8 năm 2019 để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời và lắp đặt hệ thống băng tải để chuyển dầm xuống tàu. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2013.
- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn thuê 7.839 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng kinh tế số 168/THO/2019/02B ngày 10 tháng 8 năm 2019 để lắp đặt 02 hệ thống cầu nâng xe tải, băng tải làm hàng dầm gỗ và chứa hàng. Thời hạn thuê từ ngày 10 tháng 8 năm 2019 đến ngày 30 tháng 4 năm 2023.
- Tiền cho Công ty TNHH Sản xuất Dầm gỗ Bình Định thuê 19.980 m² mặt bằng bãi cảng gắn liền với cơ sở hạ tầng theo Hợp đồng thuê một phần diện tích mặt bằng bãi cảng để đầu tư xây dựng bãi chứa dầm gỗ rời ngày 01 tháng 4 năm 2010. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2010. Năm 2020 được gia hạn thêm 5 năm kể từ ngày 01/04/2020 đến 31/3/2025 theo hợp đồng điều chỉnh bổ sung số 16-03/ĐCBS-HĐKT.
- Tiền cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng của Công ty bao gồm các hạng mục cầu tàu - kê sau cầu, hệ thống điện chiếu sáng cầu cảng và đường kết nối từ cầu cảng của Công ty đến cầu cảng của Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn theo Hợp đồng số 168/2017/HĐKT ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các phụ lục có liên quan. Thời hạn cho khai thác sử dụng là 10 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các đơn giá cho thuê ổn định trong 5 năm đầu và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo theo các thỏa thuận giữa các bên, riêng đơn giá cho Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn khai thác sử dụng hạ tầng cầu cảng được xác định theo từng năm.

2. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|-------------------------------|--------------------------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | Cổ đông góp vốn (tỷ lệ 16,68%) |

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------|----------------|
| Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn | | |
| Chia cổ tức | 3.060.000.000 | 2.880.000.000 |
| Doanh thu cho thuê bãi và khai thác cầu cảng | 29.801.191.200 | 29.801.191.200 |
| Tiền điện phải trả | 117.411.508 | 94.203.079 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|--------------------|-------------------|
| <i>Công ty Cổ phần Cảng Quy Nhơn</i> | | |
| Phải thu tiền cho thuê bãi và khai thác cầu cảng | 13.658.879.300 | 2.731.775.860 |

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt Công ty trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|--------------------|
| Thù lao của Hội đồng quản trị, tiền lương của Giám đốc | 526.502.572 | 522.484.570 |
| Thù lao của Chủ tịch Hội đồng quản trị | 48.000.000 | 45.600.000 |
| Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị (2 người) | 62.400.000 | 57.600.000 |
| Tiền lương Giám đốc | 416.102.572 | 419.284.570 |
| Thù lao Ban kiểm soát | 34.800.000 | 32.400.000 |
| Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát | 16.800.000 | 15.600.000 |
| Thù lao của Thành viên Ban kiểm soát (2 người) | 18.000.000 | 16.800.000 |
| Cộng | 561.302.572 | 554.884.570 |

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Các loại công cụ tài chính

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá trị hợp lý</u> |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 187.290.000 | 187.290.000 | 22.263.077.358 | 22.263.077.358 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 27.800.000.000 | 27.800.000.000 | - | - |
| Phải thu của khách hàng | 14.631.253.701 | 14.631.253.701 | 3.709.689.124 | 3.709.689.124 |
| Phải thu khác | 640.030.412 | 640.030.412 | 118.596.164 | 118.596.164 |
| Cộng | 43.258.574.113 | 43.258.574.113 | 26.091.362.646 | 26.091.362.646 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------|----------------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý | Giá trị ghi sổ | Giá trị hợp lý |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả cho người bán | 41.691.513 | 41.691.513 | 752.412.613 | 752.412.613 |
| Chi phí phải trả | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 | 2.305.791.727 |
| Phải trả khác | 319.604.986 | 319.604.986 | 315.183.116 | 315.183.116 |
| Cộng | 2.667.088.226 | 2.667.088.226 | 3.373.387.456 | 3.373.387.456 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính như sau:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu của khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác tương đương với giá trị sổ sách của các khoản mục này do các công cụ này có kỳ ngắn hạn.
- Đối với các tài sản tài chính và công nợ tài chính mà không đủ thông tin thị trường để xác định giá trị hợp lý tại ngày Báo cáo tài chính, giá trị ghi sổ của các khoản mục này được thể hiện thay cho giá trị hợp lý.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá (rủi ro ngoại tệ), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là khai thác cầu cảng và cho thuê bãi, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào đối với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty chỉ có 3 khách hàng quen thuộc và

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi nợ, không có nợ quá hạn khó đòi tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín trong nước. Ban Giám đốc Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu từ các khoản tiền gửi này.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tài sản tài chính | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 187.290.000 | - | 187.290.000 |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 27.800.000.000 | - | 27.800.000.000 |
| Phải thu của khách hàng | 14.631.253.701 | - | 14.631.253.701 |
| Phải thu khác | 640.030.412 | - | 640.030.412 |
| Cộng | 43.258.574.113 | - | 43.258.574.113 |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Phải trả cho người bán | 41.691.513 | - | 41.691.513 |
| Chi phí phải trả | 2.305.791.727 | - | 2.305.791.727 |
| Phải trả khác | 19.604.986 | 300.000.000 | 319.604.986 |
| Cộng | 2.367.088.226 | 300.000.000 | 2.667.088.226 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 40.891.485.887 | (300.000.000) | 40.591.485.887 |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Số 03 Nguyễn Dữ, Phường Hải Cảng, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Cộng |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | | | |
| Tài sản tài chính | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 22.263.077.358 | | 22.263.077.358 |
| Phải thu của khách hàng | 3.709.689.124 | | 3.709.689.124 |
| Phải thu khác | 118.596.164 | | 118.596.164 |
| Cộng | 26.091.362.646 | | 26.091.362.646 |
| Nợ phải trả tài chính | | | |
| Phải trả cho người bán | 752.412.613 | - | 752.412.613 |
| Chi phí phải trả | 2.305.791.727 | - | 2.305.791.727 |
| Phải trả khác | 15.183.116 | 300.000.000 | 315.183.116 |
| Cộng | 3.073.387.456 | 300.000.000 | 3.373.387.456 |
| Chênh lệch thanh khoản thuần | 23.017.975.190 | (300.000.000) | 22.717.975.190 |

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Bình Định, ngày 21 tháng 02 năm 2022



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng

MAI QUANG CƯỜNG
Người lập biểu

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

Số: 21/TTr-HĐQT

Bình Định, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH

**V/v phương án phân phối lợi nhuận năm 2021;
thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của Công ty cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022, như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021

| TT | Chỉ tiêu | Số tiền (đồng) |
|----|---|-----------------------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế năm 2021: (1) | 29.365.685.948 |
| 2 | Trích lập các quỹ: (1)*33,8% | 9.939.590.948 |
| - | Quỹ Đầu tư phát triển: (1)* 31,1% | 9.146.717.427 |
| - | Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: (1)*2,7% | 792.873.521 |
| 3 | Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền: (1)*66,2% | 19.426.095.000 |
| - | Tỷ lệ chi trả cổ tức (01 cổ phiếu được nhận 1.800 đồng) | 18% |

2. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022

| TT | Chức vụ | Số người | Mức thù lao đồng/tháng | Thời gian (tháng) | Thành tiền (đồng) |
|----|------------------|----------|------------------------|-------------------|--------------------|
| 1 | Chủ tịch HĐQT | 1 | 4.300.000 | 12 | 51.600.000 |
| 2 | Thành viên HĐQT | 2 | 2.800.000 | 12 | 67.200.000 |
| 3 | Trưởng BKS | 1 | 1.500.000 | 12 | 18.000.000 |
| 4 | Thành viên BKS | 2 | 800.000 | 12 | 19.200.000 |
| | Tổng cộng | | | | 156.000.000 |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu TCHC.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Phúc

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

DỰ THẢO

PHIẾU BIỂU QUYẾT

(Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Tên cổ đông/người được ủy quyền:

Mã cổ đông/người được ủy quyền:

Số phiếu biểu quyết:phiếu

CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT :

- Cổ đông tán thành tất cả các nội dung biểu quyết thì đánh dấu “X” vào ô này
- Cổ đông chọn một trong ba phương án biểu quyết: "Tán thành", "Không tán thành" hoặc "Không có ý kiến" thì đánh dấu chéo (X) vào một trong ba ô vuông () của dòng dưới theo từng nội dung.

1. Báo cáo về các hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh năm 2022

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

2. Báo cáo về các hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 theo Tờ trình số 26/TTr-BKS

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

4. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Tờ trình số 21/TTr-HĐQT

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

6. Thù lao HĐQT và BKS năm 2022 theo Tờ trình số 21/TTr-HĐQT

Tán thành Không tán thành Không có ý kiến

Bình Định, ngày 28 tháng 4 năm 2022
CỔ ĐÔNG/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(ký tên, ghi rõ họ tên)

**QUY CHẾ BẦU CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn.

Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là “**Đại hội**”) tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 (sau đây gọi tắt là “**bầu cử**”) theo các quy định sau:

Điều 1. Nguyên tắc và đối tượng bầu cử

Nguyên tắc bầu cử: Bầu cử đúng pháp luật, đúng Điều lệ Công ty và phù hợp với Quy chế này nhằm đảm bảo dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông.

Đối tượng bầu cử: Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc người được ủy quyền dự họp (theo Danh sách chốt ngày 28/3/2022) tham dự cuộc họp.

Điều 2. Số lượng, điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

a) Thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2022-2027 là 3 người.

Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;

- Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.

b) Thành viên Ban kiểm soát:

Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 là 3 người.

Điều kiện và tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác; Không phải là người quản lý công ty.

Điều 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02)

ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 4. Hồ sơ, thời hạn nhận hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát

a) Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử bao gồm: Văn bản tự ứng cử/đề cử ứng viên thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát (theo mẫu); Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai có xác nhận của chính quyền địa phương (theo mẫu), kèm theo Bản sao có chứng thực: CMND/CCCD, các bằng cấp trình độ chuyên môn.

b) Để đảm bảo cho công tác kiểm tra hồ sơ và chuẩn bị tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông của Ban Tổ chức, hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư EMS cho Ban Tổ chức cuộc họp trước 17h ngày 25/04/2022 theo địa chỉ: số 03 Nguyễn Dữ, P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

c) Chỉ những hồ sơ đáp ứng đủ các điều kiện đề cử/ứng cử và những ứng viên đáp ứng đủ điều kiện và tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát mới được Ban Tổ chức xem xét đưa vào danh sách ứng viên công bố tại cuộc họp.

Điều 5. Phương thức bầu cử và cách thức tiến hành bầu cử

a) Phương thức bầu cử: Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên;

b) Cách thức tiến hành bầu cử:

- Mỗi Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp sẽ được Ban kiểm phiếu phát cho một Phiếu bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (màu hồng) và một Phiếu bầu cử thành viên Ban Kiểm soát (màu vàng) (“**Phiếu bầu cử**”) có đóng dấu Công ty, trên đó có ghi mã số cổ đông, tổng số cổ phần (*bao gồm cổ phần sở hữu và cổ phần được ủy quyền dự họp*), tổng số phiếu được quyền bầu, danh sách các ứng viên được đề cử/ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát.

- Khi đồng ý bầu cho ứng viên, Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền ghi số phiếu bầu cho ứng viên vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó, sao cho tổng số phiếu bầu cho các ứng viên của một cổ đông không vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu của cổ đông đó. Nếu không bầu cho ứng viên nào, Cổ đông hoặc đại diện gạch chéo (x) hoặc để trống hoặc ghi số 0 vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó. Trường hợp ghi sai, cổ đông có thể đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu cử khác.

- Phiếu bầu cử hợp lệ khi: Là phiếu bầu cử do Ban Tổ chức phát ra có đóng dấu của Công ty; Chỉ bầu cho những ứng viên có tên trong danh sách ứng cử viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát đã được Đại hội thông qua hoặc bỏ phiếu trắng. Phiếu bầu cử có số người được bầu không vượt quá số người cần bầu; có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên không vượt quá tổng số phiếu bầu được quyền bầu. Phiếu bầu cử không bị tẩy xóa, không cạo sửa và có chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền; Không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

Điều 6. Kiểm phiếu bầu cử và nguyên tắc trúng cử

a) Ban Kiểm phiếu: Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa cuộc họp đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không phải là người có tên trong danh sách ứng viên được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm chính sau:

- Hướng dẫn về Quy chế bầu cử; Phát phiếu bầu cử cho Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông; Giám sát việc bỏ phiếu của các Cổ đông hoặc đại diện cổ đông;

- Tổ chức kiểm phiếu; Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội.

Ban kiểm phiếu phải bảo đảm tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải bí mật; nếu sai phạm Ban Kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm.

b) Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra hòm phiếu trước sự chứng kiến của các Cổ đông; Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát Phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi Cổ đông cuối cùng bỏ Phiếu bầu cử vào hòm phiếu;

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc trước sự chứng kiến của các Cổ đông; Ban Kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật điện tử và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu;

Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát:

- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị/thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định.

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau thì sẽ ưu tiên lựa chọn người sở hữu số cổ phần nhiều hơn tại Công ty. Trường hợp điều kiện của các ứng cử viên này vẫn như nhau thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau. Người trúng cử là người có số phiếu bầu cao hơn.

Điều 7. Giải quyết khiếu nại về việc bầu cử và kiểm phiếu

Mọi khiếu nại về kết quả bầu cử chỉ được xem xét ngay tại cuộc họp. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

Quy chế có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn thông qua tại Phiên họp thường niên năm 2022 ngày 28/4/2022.

BAN TỔ CHỨC CUỘC HỌP

DỰ THẢO

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn
2. Địa chỉ: 03 Nguyễn Dữ, phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100694020 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần ba ngày 13/7/2020.
4. Thời gian và địa điểm họp: Bắt đầu lúc 07h45' ngày 28/4/2022, tại Tầng 8, Khách sạn Sài Gòn Quy Nhơn, 24 Nguyễn Huệ, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

PHẦN I: KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

Ông Trần Hữu Hiếu báo cáo Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự họp. Tại lúc 08h00' ngày 28/4/2022 có Cổ đông/người được ủy quyền dự họp, đại diện cho cổ phần, chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn (sau đây gọi tắt là Đại hội) đủ điều kiện tiến hành.

2. Tuyên bố lý do cuộc họp và phát biểu khai mạc:

Ban Tổ chức tuyên bố lý do cuộc họp.

Giới thiệu thành phần tham dự họp: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn theo quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Hữu Phúc – Chủ tịch HĐQT, phát biểu khai mạc cuộc họp.

3. Thông qua chương trình và Quy chế làm việc tại cuộc họp:

Ông Phạm Văn Thành – Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty, trình Đại hội Chương trình và Quy chế làm việc tại cuộc họp.

Chương trình và Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

4. Thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

Ông Phạm Văn Thành – Thành viên HĐQT/Giám đốc Công ty thay mặt Hội đồng quản trị trình Đại hội Tờ trình số 17/TTr-HĐQT ngày 31/3/2022 về danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu tại cuộc họp.

Đoàn Chủ tịch:

- | | | |
|-----------------------|----------------------------|--------------|
| - Ông Nguyễn Hữu Phúc | - Chủ tịch HĐQT | - Chủ tọa |
| - Ông Nguyễn Tín Dân | - Thành viên HĐQT | - Thành viên |
| - Ông Phạm Văn Thành | - Thành viên HĐQT/Giám đốc | - Thành viên |

Thư ký Đại hội:

- | | | |
|-----------------------|------------------|-------------------|
| - Ông Mai Quang Cường | - Kế toán trưởng | - Thư ký cuộc họp |
|-----------------------|------------------|-------------------|

Ban kiểm phiếu:

- | | | |
|------------------------|------------------|--------------|
| - Ông Võ Văn Nhanh | - P.TP KD & ĐĐKT | - Trưởng ban |
| - Ông Tống Khánh Trình | - Điều độ viên | - Thành viên |
| - Ông Trần Duy Thắng | - Điều độ viên | - Thành viên |

Danh sách Đoàn chủ tịch, Thư ký và Ban kiểm phiếu đã được Đại hội thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

PHẦN II: CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH TẠI CUỘC HỌP

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Thay mặt Hội đồng quản trị, Ông Nguyễn Tín Dân – Thành viên HĐQT trình bày Báo cáo về các hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty.

2. Báo cáo và Tờ trình của Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Kim Toàn – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày:

- Báo cáo về các hoạt động của Ban Kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty;

- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

3. Báo cáo tài chính năm 2021.

Ông Phạm Văn Thành – TV HĐQT/Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo tài chính năm 2021 đã được Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt kiểm toán.

4. Các Tờ trình của Hội đồng quản trị:

Ông Phạm Văn Thành thay mặt HĐQT trình bày Tờ trình về phương án phân phối lợi nhuận năm 2021; thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022;

PHẦN III: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THẢO LUẬN

Các cổ đông tham gia ý kiến, Đoàn chủ tịch tiếp thu, giải trình.

PHẦN IV: BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG CỦA ĐẠI HỘI

Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông thủ tục biểu quyết các nội dung.

Ban kiểm phiếu làm việc theo Quy chế làm việc đã được Đại hội thông qua, thu Phiếu biểu quyết và tiến hành kiểm phiếu. Kết quả biểu quyết như sau:

Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp là: cổ phần.

Tổng số Phiếu phát ra: Phiếu

Tổng số Phiếu thu về: Phiếu

Số Phiếu thu về hợp lệ: Phiếu

| TT | Nội dung biểu quyết | Đồng ý | | Không đồng ý | | Không ý kiến | |
|----|--|---------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|
| | | Cổ phần | Tỷ lệ (%) | Cổ phần | Tỷ lệ (%) | Cổ phần | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Báo cáo về các hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh năm 2022 | | | | | | |
| 2 | Báo cáo về các hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 | | | | | | |

| TT | Nội dung biểu quyết | Đồng ý | | Không đồng ý | | Không ý kiến | |
|----|--|---------|-----------|--------------|-----------|--------------|-----------|
| | | Cổ phần | Tỷ lệ (%) | Cổ phần | Tỷ lệ (%) | Cổ phần | Tỷ lệ (%) |
| 3 | Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 | | | | | | |
| 4 | Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán | | | | | | |
| 5 | Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 31/3/2022 | | | | | | |
| 6 | Thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 theo Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 31/3/2022 | | | | | | |

Ghi chú: - Cổ phần: Số Cổ phần biểu quyết cho từng nội dung.
- Tỷ lệ: Cổ phần biểu quyết/tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

**PHẦN V: BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2022-2027**

Thay mặt Ban Kiểm phiếu, Ông Tổng Khánh Trình trình Đại hội Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027.

Quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

Ban Tổ chức công bố các hồ sơ đề cử, ứng cử hợp lệ đã tiếp nhận.

Đại hội đồng cổ đông thông qua Danh sách đề cử, ứng cử bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết%, như sau:

- Danh sách được đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:

1.
2.
3.
- ...

- Danh sách được đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát:

1.
2.
3.
- ...

Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027 được Ban kiểm phiếu công bố như sau:

| TT | Họ và tên | Số phiếu bầu | Tỷ lệ |
|----------|--------------------------|--------------|--------|
| I | Hội đồng quản trị | | |
| 1 | Ông/Bà..... | |% |
| 2 | Ông/Bà..... | |% |
| 3 | Ông/Bà..... | |% |

| TT | Họ và tên | Số phiếu bầu | Tỷ lệ |
|-----------|----------------------|--------------|--------|
| ... | Ông/Bà..... | |% |
| II | Ban Kiểm soát | | |
| 1 | Ông/Bà..... | |% |
| 2 | Ông/Bà..... | |% |
| 3 | Ông/Bà..... | |% |
| ... | Ông/Bà..... | |% |

Căn cứ kết quả bầu cử, những ông/bà có tên sau đây được bầu vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 28/4/2022:

1. Ông/Bà.....
2. Ông/Bà
3. Ông/Bà

Những ông/bà có tên sau đây được bầu vào Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 28/4/2022:

1. Ông/Bà
2. Ông/Bà
3. Ông/Bà

Hội đồng quản trị đã họp và bầu Ông/Bà là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đã họp và bầu Ông/Bà là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 28/4/2022.

PHẦN V: CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC CUỘC HỌP

1. Biên bản này được Thư ký cuộc họp ghi lại đầy đủ và trung thực, gồm 06 trang, được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

Toàn văn Biên bản này và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Thư ký cuộc họp đọc và được Đại hội thông qua với tỷ lệ biểu quyết đồng ý là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

2. Ông/Bà phát biểu cảm ơn và tuyên bố bế mạc cuộc họp.

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn kết thúc lúc 10h50' cùng ngày.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Bình Định, ngày 28 tháng 4 năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn ngày 28/4/2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thống nhất Báo cáo của Hội đồng quản trị số 18/BC-HĐQT ngày 31/3/2022 về các hoạt động của Hội đồng quản trị và kế hoạch kinh doanh năm 2022 của Công ty. Các chỉ tiêu chính về kế hoạch kinh doanh năm 2022, như sau:

| | |
|-----------------------------------|----------------|
| - Tổng doanh thu: | 42,449 tỷ đồng |
| - Tổng chi phí: | 11,260 tỷ đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế: | 29,449 tỷ đồng |
| - Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền: | 18% |

Điều 2. Thống nhất Báo cáo của Ban Kiểm soát số 19/BC-BKS ngày 31/3/2022 về các hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả kinh doanh năm 2021 của Công ty.

Điều 3. Thống nhất Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

Điều 4. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận năm 2021, như sau:

| | |
|--|---------------------|
| - Trích lập quỹ đầu tư phát triển: | 9.146.717.427 đồng |
| - Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: | 792.873.521 đồng |
| - Chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền: | 19.426.095.000 đồng |
| - Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2021 là: | 18% |

(01 cổ phiếu được nhận 1.800 đồng)

Điều 5. Thống nhất thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022:

| | |
|-------------------------------|----------------------------|
| - Chủ tịch Hội đồng quản trị: | 4,3 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên HĐQT: | 2,8 triệu đồng/người/tháng |
| - Trưởng Ban Kiểm soát: | 1,5 triệu đồng/tháng |
| - Thành viên BKS: | 0,8 triệu đồng/người/tháng |

Điều 6. Thống nhất lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Trong trường hợp đàm phán hợp đồng kiểm toán với Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC không thành công thì Hội đồng quản trị được chọn một Công ty có tên trong danh sách các Công ty đủ điều kiện kiểm toán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công bố để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông đã bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2022-2027 kể từ ngày 28/4/2022 gồm những ông/bà có tên sau đây.

Hội đồng quản trị:

1. Ông/Bà.....
2. Ông/Bà.....
3. Ông/Bà.....

Ban Kiểm soát:

1. Ông/Bà.....
2. Ông/Bà.....
3. Ông/Bà.....

Điều 8. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 28/4/2022, Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân cảng Quy Nhơn thông qua toàn văn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28/4/2022 với tỷ lệ biểu quyết tán thành là% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại cuộc họp.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Cổ đông Công ty;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban Điều hành Công ty;
- Công bố thông tin;
- Lưu TC-HC; HĐQT.

Nguyễn Hữu Phúc